# Bản thiết kế của Người kiểm định

**Cách đánh giá nghiêm ngặt báo giá túi poly mailer tùy chỉnh và xác minh chất lượng sản xuất.**



**VẬT LIỆU**
**LDPE/HDPE ĐỒNG ÉP ĐÙN**

**CHIỀU DÀI NẮP:**
**1.5 INCH**

**ĐỘ DÀY:**
2.5 MIL ± 5%

**ĐỘ BỀN XÉ:**
**888 G (ELMENDORF)**

**LOẠI DÁN KÍN:**
**TỰ DÍNH**

**CHẤT LƯỢNG IN**
**IN FLEXO 400 DPI**

Hướng dẫn kỹ thuật đi kèm của Zigpac

# ẢO TƯỞNG VỀ CÁC BÁO GIÁ GIỐNG HỆT NHAU

**Ba trường tiêu chuẩn – kích thước, số mil và đơn giá – che giấu những biến số quyết định túi mailer của bạn có trụ vững qua một ca đóng gói hay không. Cái giá thực sự của việc phỏng đoán lộ ra trên dây chuyền đóng gói.**

**KÍCH THƯỚC: 10x13 | ĐỘ DÀY: 2.5 mil | IN: Tùy chỉnh | GIÁ: $0.15**




**Nếu một báo giá không thể đối chiếu với mẫu thực tế, nó không phải là cơ sở để so sánh.**

# GIẢI PHẪU MỘT BÁO GIÁ CÓ THỂ XÁC MINH

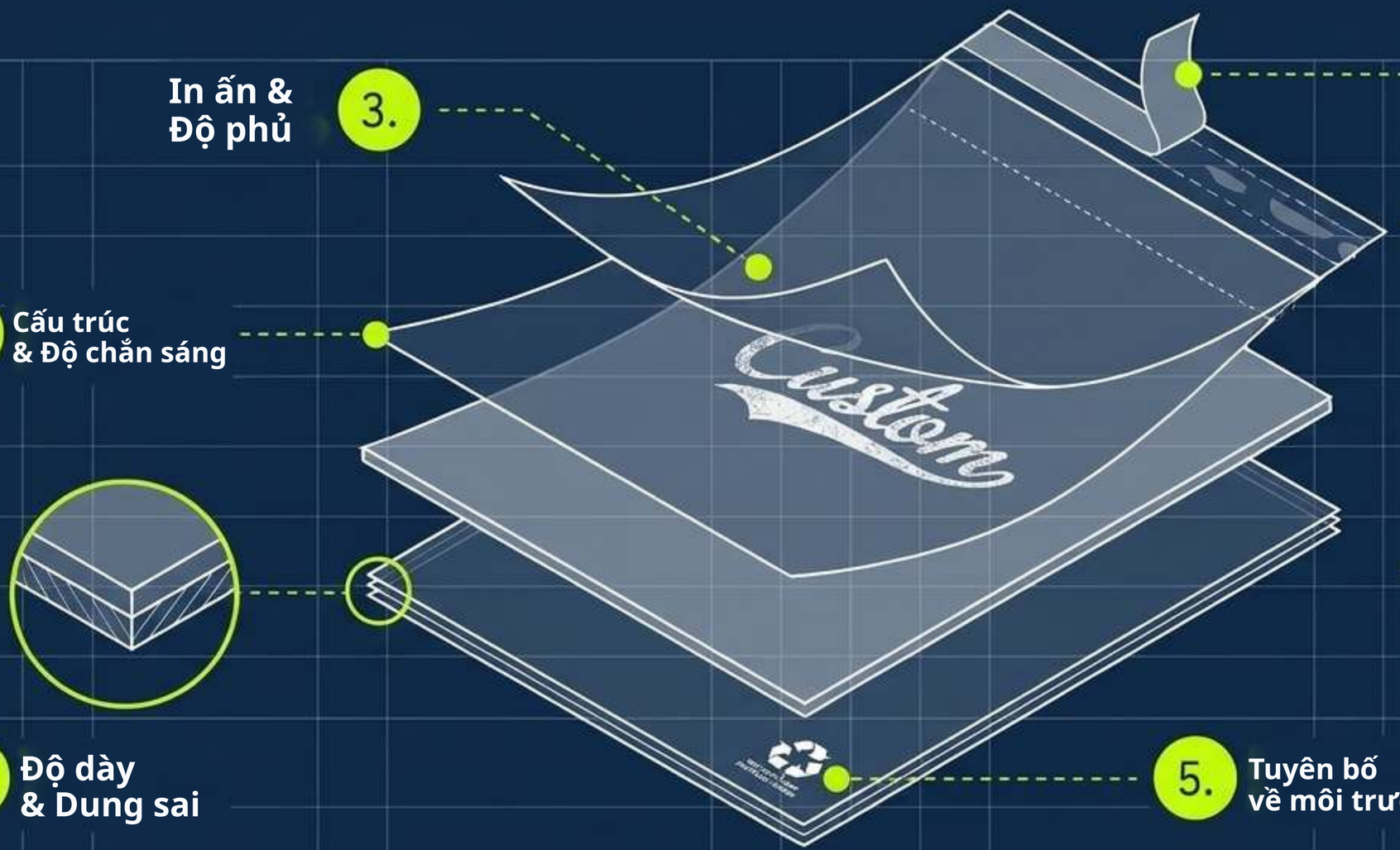


1. Độ dày & Dung sai
2. Cấu trúc & Độ chắn sáng
3. In ấn & Độ phủ
4. Cơ chế dán kín
5. Tuyên bố về môi trường
6. Kiểm tra mẫu thực tế

# KIỂM TRA 1: ẢO TƯỞNG VỀ CON SỐ “MIL”

**1 mil = 25.4 micromet (µm)**

**2.0, 2.5 và 3.0 mil là các mốc tham chiếu thị trường, không phải định mức tải trọng.**

**USPS không quy định số mil tối thiểu.**

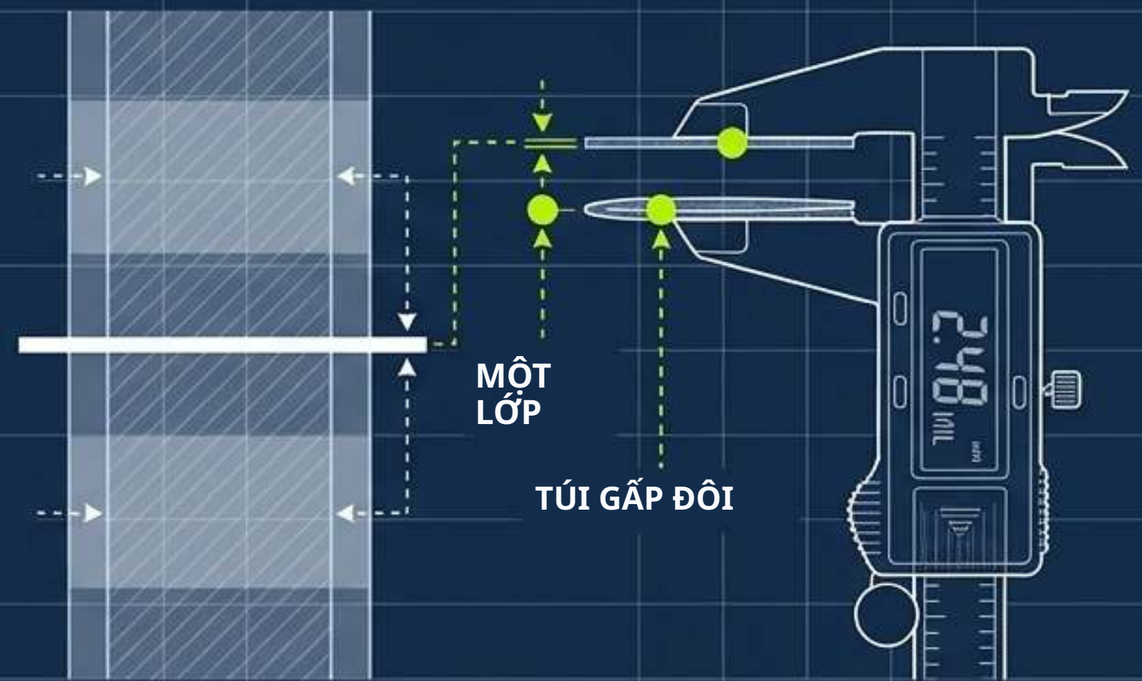


**DANH SÁCH KIỂM TRA CHẨN ĐOÁN**

- Cơ sở đo: Báo giá **tính cho một lớp màng hay túi gấp đôi?**
- **Dung sai: Mức sai lệch nào so với** giá trị danh nghĩa được chấp nhận?
- Phương pháp: Màng có được đo theo **tiêu chuẩn (ví dụ: ASTM D6988)?**

**CẢNH BÁO: Một con số ‘mil’ trơ trọi không kèm dung sai là vô nghĩa trên báo giá.**

# KIỂM TRA 2: CẤU TRÚC & ĐỘ CHẮN SÁNG

## MỘT LỚP

Ép đùn từ một hỗn hợp nhựa nóng chảy. Sắc tố trộn đều khắp. Để bảo mật cần nhiều sắc tố.

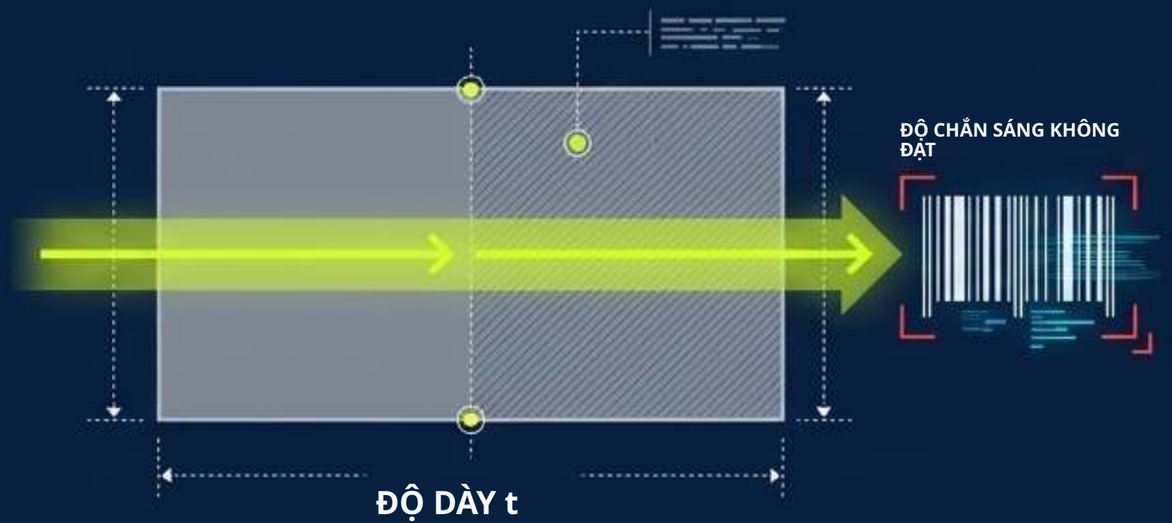


## ĐỒNG ÉP ĐÙN

Nhiều lớp trong một lần ép. Lớp ngoài màu trắng cho bản in sắc nét; lớp trong màu tối (xám/đen/bạc) chắn sáng.

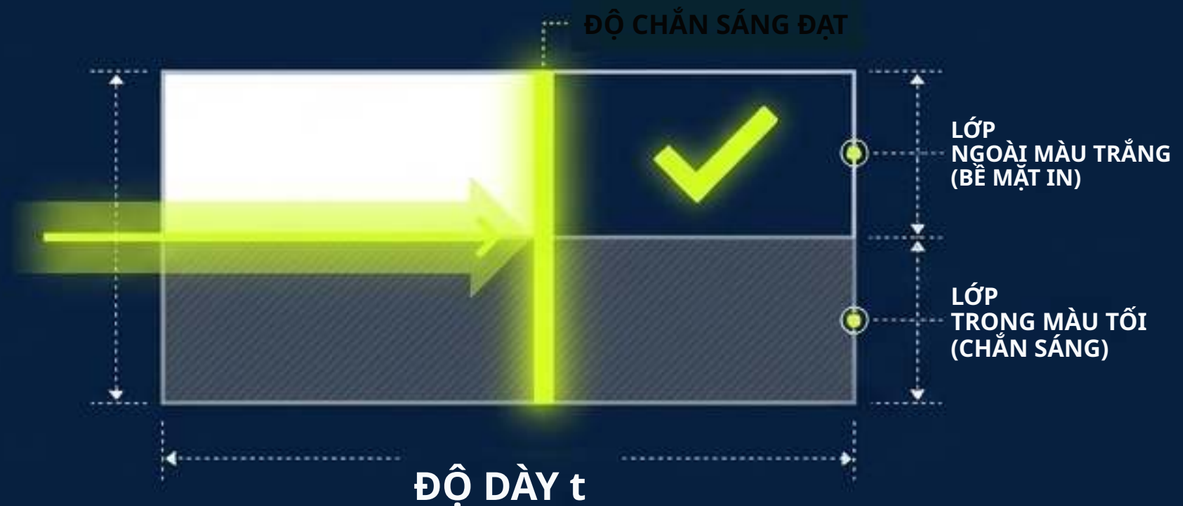


## DANH SÁCH KIỂM TRA CHẨN ĐOÁN

- Độ dày công bố có tính cho toàn bộ màng nhiều lớp không?
- Tất cả các lớp có phải là polyethylene (PE) không?

Lưu ý: Hướng dẫn của APR xử lý màng hoàn toàn PE khác với màng có lớp không phải PE về mặt tái chế.

# KIỂM TRA 3: PHƯƠNG PHÁP IN & ĐỘ PHỦ

| PHÂN TÍCH PHƯƠNG PHÁP | | |
|---|---|---|
| **In flexo: Cần bản in riêng cho mỗi** màu/mặt, chi phí thiết lập chia đều cho đợt chạy. | In kỹ thuật số: Không cần bản in, chi phí cao khi số lượng lớn. | In ống đồng: Trục khắc, cho các đợt chạy cực lớn. |



CHỈ LOGO MẶT TRƯỚC



IN HAI MẶT

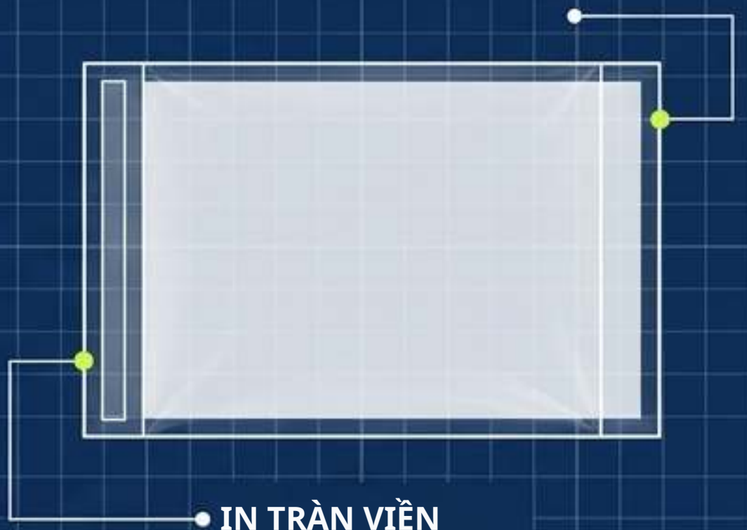

IN TRÀN VIỀN

**DANH SÁCH KIỂM TRA CHẨN ĐOÁN**

- ✓ **Độ phủ là chỉ mặt trước, hai mặt hay tràn viền?**
- ✓ **Bản in có tính phí riêng không? Có được tái sử dụng khi đặt lại không?**
- ✓ **Màu thương hiệu Pantone được xử lý thế nào trên màng có màu so với màng trắng?**

# KIỂM TRA 4: CƠ CHẾ DÁN KÍN

**Khái niệm cốt lõi: Lỗi dán kín bắt nguồn từ keo không tương thích hoặc lực ép kém trên dây chuyền đóng gói.**

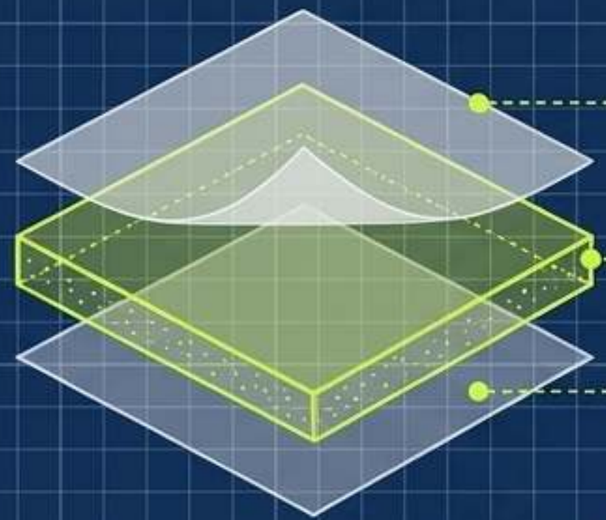








## DANH SÁCH KIỂM TRA CHẨN ĐOÁN

- ☑ Chiều rộng dải keo và loại keo là gì?
- ☑ Có chống mở trộm (tamper-evident) không?
- ☑ Có cần dải keo thứ hai để gửi trả hàng không?

(Lưu ý: Zigpac liệt kê riêng loại này là Túi poly mailer hoàn trả tùy chỉnh).

## QUY TRÌNH KIỂM TRA TẠI KHO

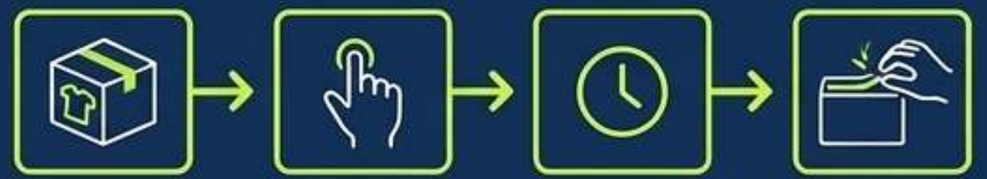

Đóng gói cùng món đồ nặng nhất
Dán kín bằng lực tay bình thường

**Chờ 24 giờ**

Thử mở mà không dùng dụng cụ

**Thử nghiệm ở điều kiện bảo quản lạnh/nóng khắc nghiệt**

# KIỂM TRA 5: XỬ LÝ CÁC TUYÊN BỐ VỀ MÔI TRƯỜNG

**Nguyên tắc: Tuyên bố về môi trường tạo ra rủi ro pháp lý cho thương hiệu của bạn, không phải cho nhà cung cấp.**

**Tuyên bố "Có thể tái chế"**

**Bộ lọc 1: FTC Green Guides (16 CFR §260.12)**

Cơ sở tái chế có sẵn cho 60%+ người tiêu dùng không? (Polyethylene không đạt)

**Bộ lọc 2: California SB 343**

Hạn chế đối với biểu tượng mũi tên tuần hoàn

**Kết quả: Gửi tại điểm thu gom của cửa hàng**

**KHÔNG bỏ vào thùng tái chế lề đường**

## DANH SÁCH KIỂM TRA CHẨN ĐOÁN

- ☑ Hàm lượng tái chế là Sau tiêu dùng (PCR) hay Sau công nghiệp (PIR)?
- ☑ Có chứng từ giao dịch gắn riêng với lô hàng của bạn không?

**CẢNH BÁO: Mã nhựa #4 LDPE**

**là mã nhận dạng, không phải tuyên bố tái chế (ASTM D7611).**

# KIỂM TRA 6: NGUỒN SỰ THẬT VẬT LÝ

**eProof xác nhận bố cục. Nó không thể cho thấy mực bám trên polyethylene như thế nào. Mẫu thực tế là bằng chứng duy nhất về thực tế sản xuất.**

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM**

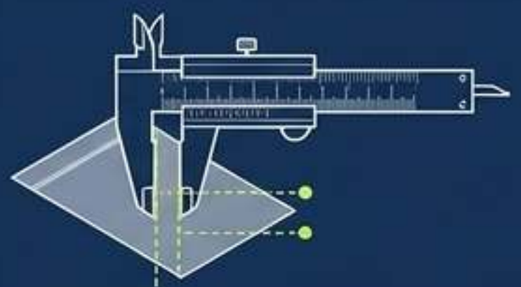

**ĐO:**

Một lớp màng so với dung sai công bố

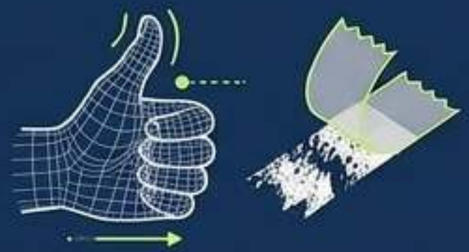

**ĐỘ BỀN CHÀ XÁT:**

Chà mạnh lên bản in, dán băng keo đóng gói rồi giật ra



**KIỂM TRA ĐỘ CHẮN SÁNG:**

Đặt túi rỗng lên trên chữ màu tối dưới ánh sáng mạnh



**KIỂM TRA MÙI: Mở**

mẫu đã niêm kín sau vài ngày để kiểm tra mùi có thể bám sang quần áo

**NGUYÊN TẮC PHÊ DUYỆT: Không bao giờ nhảy thẳng từ thiết kế sang sản xuất hàng loạt. (Zigpac cung cấp eProof miễn phí và mẫu thực tế với giá US$5-30).**

# Bảng điểm đánh giá nhà cung cấp

| Tiêu chí | Cần tìm gì trên giấy tờ | Cách kiểm tra mẫu thực tế | Dấu hiệu cảnh báo |
|---|---|---|---|
| Độ dày | Mil danh nghĩa, cơ sở đo, dung sai | Số đo một lớp 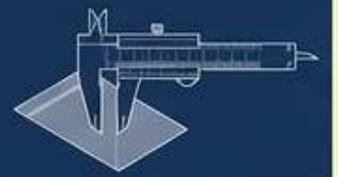 | Số mil không kèm dung sai |
| Cấu trúc | Một lớp hay đồng ép đùn, màu các lớp | Khớp màu lớp trong/ngoài 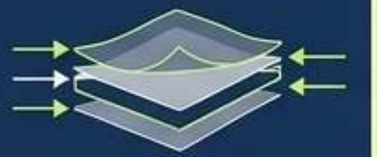 | “Màng cao cấp” nhưng không nêu cấu trúc |
| Độ chắn sáng | Phương pháp bảo mật | Độ dễ đọc chữ màu tối dưới ánh sáng  | Không nêu phương pháp chắn sáng |
| In ấn | Phương pháp, màu mực, độ phủ | Thử chà xát và băng keo  | “In tùy chỉnh” nhưng không có chi tiết độ phủ |
| Chi phí | Túi, bản in, cước vận chuyển được tách riêng | Không áp dụng  | Một con số trọn gói không thể tách nhỏ |

ZIGPAC

# Ma trận Đơn giá và Chi phí về tận nơi

Để so sánh nhà cung cấp công bằng, hãy dựng lại mọi báo giá theo cùng năm dòng. Đơn giá thấp nhưng bỏ ngoài phí bản in, cước vận chuyển hoặc thuế nhập khẩu sẽ luôn tốn kém hơn một báo giá cao hơn nhưng minh bạch.

## Nhà cung cấp A

**Đơn giá $0.15**

+ Phí bản in cho mỗi màu
+ Phí mẫu cao cấp bắt buộc
+ Cước vận chuyển chưa tính

## Nhà cung cấp B

**Đơn giá $0.18**

- Đã gồm/liệt kê chi tiết bản in
- Cước vận chuyển chính xác
- Tổng chi phí trọn gói

Kiểm tra xem phí thiết lập có lặp lại khi đặt lại hàng không – điều này thay đổi đáng kể
chi phí cho đợt sản xuất thứ hai của bạn.

# Tổng hợp: Giải phẫu chi phí về tận nơi

**Bạn không thể xác minh đơn giá nếu không có mẫu thực tế.**
**Bạn không thể xác minh chi phí về tận nơi nếu không có báo giá minh bạch.**

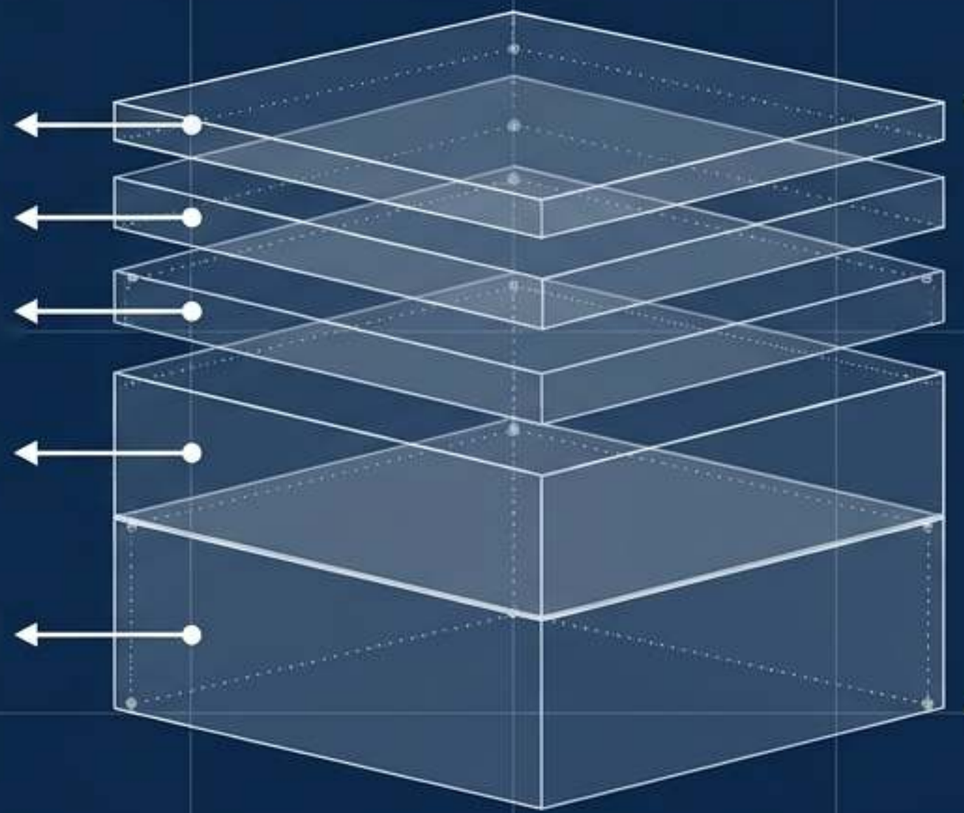

**Lớp 5 (Ngoài cùng): Thuế nhập khẩu**

Lớp 4: Vận chuyển & Logistics

**Lớp 3: Phí mẫu thực tế**

Lớp 2: Phí thiết lập & bản in
**(gắn với độ phủ in)**

**Lớp 1 (Lõi): Đơn giá túi**
**(gắn với số lượng/bậc giá)**

**Chi phí về tận nơi thực sự**

**Bối cảnh giá tham chiếu (Tháng 11/2026): Các bậc giá niêm yết của Zigpac từ US$0.28 cho 500+ chiếc đến US$0.08 cho 10,000+ chiếc (giá cuối cùng tùy báo giá theo từng sản phẩm). Số lượng thay đổi căn bản lớp nền.**

# Danh sách kiểm tra RFQ chắc chắn

**Khi bạn sẵn sàng yêu cầu báo giá, hãy gửi chính xác các thông số sau để đảm bảo chi phí về tận nơi chính xác và có thể xác minh:**

- [ ] **KÍCH THƯỚC & TẢI TRỌNG:** Kích thước sản phẩm khi đóng gói và trọng lượng món nặng nhất.
- [ ] **SỐ LƯỢNG:** Số lượng và dự kiến đặt lại trong tương lai.
- [ ] **THIẾT KẾ:** Mã màu tham chiếu (Pantone) và độ phủ chính xác (Mặt trước/Hai mặt/Tràn viền).
- [ ] **DÁN KÍN:** Một dải keo hay thêm dải keo gửi trả? Model thiết bị đóng gói tự động (nếu sử dụng).
- [ ] **LOGISTICS:** Điểm đến cuối cùng để tính chính xác cước vận chuyển/thuế nhập khẩu.
- [ ] **TUÂN THỦ:** Mọi tuyên bố về môi trường dự định đưa ra (để xác minh chứng từ trước khi lên thiết kế).

**Zigpac cung cấp MOQ cuối cùng, lịch trình chính xác (tiêu chuẩn 7-10 ngày), eProof miễn phí, và mẫu thực tế để xác minh từng dòng.**